

	<b>TỔNG CÔNG TY SONADEZI</b> <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI</b>		MẪU SỐ 2
	<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> <b>KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG</b>		KQKTCL
	<b>NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM</b>		NĂM 2026

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: **NƯỚC SÔNG ĐỒNG NAI**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Biên Hòa (ĐĐ: P. Trấn Biên, CS: 36.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Long Bình (ĐĐ: P. Long Bình, CS: 30.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Thiện Tân (Trạm Thiện Tân ĐĐ: P. Long Bình, CS: 200.000m <sup>3</sup> /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
02 Tuần 2	A	9	100	6	100	23	100	

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Thiện Tân (Trạm Nhơn Trạch ĐĐ: P. Long Bình, CS: 100.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Thạnh Phú (ĐĐ: P. Trảng Dài, CS: 15.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Long Thành (ĐĐ: xã Long Thành)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
02 Tuần 2	A	4	100	5	100	6	100	

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: **NƯỚC HỒ**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Long Bình (ĐĐ: Hồ trị An, CS: 4.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Núi Le, CS: 7.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Gia Ui, CS: 10.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Suối Soong, CS: 4.200m <sup>3</sup> /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
02 Tuần 2	A	7	100	3	100	3	100	3	100	

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: **NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Long Bình (ĐĐ: xã Bàu Hàm)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: xã Tân Phú, CS: 2.500m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: xã Sông Ray, CS: 130m <sup>3</sup> /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
02 Tuần 2	A	3	100	5	100	/	/	

Ghi chú: Dấu (/): Không thực hiện.

Trần Biên, ngày 03 tháng 03 năm 2026  
**TU. GIÁM ĐỐC**  
**PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



**Đặng Thị Tâm**



**TỔNG CÔNG TY SONADEZI**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM**

MẪU SỐ 1

KQKTCL

Năm: 2026

**KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC TUẦN 2 THÁNG 02 NĂM 2026**

QCVN 01-1: 2024/BYT

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
1	Chi nhánh cấp nước Biên Hòa	Nước sinh hoạt.	Bể chứa CNCN Biên Hoà.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.07	0.36	Không có mùi lạ	0.51	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	1.26	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
2		Nước sinh hoạt.	UBND phường Trần Biên – Số 76, Hưng Đạo Vương, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.05	0.17	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	0.89	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
3		Nước sinh hoạt.	Trạm xăng dầu quốc dân 3 – Đường Nguyễn Du, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.20	0.33	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	1.26	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
4		Nước sinh hoạt.	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.02	0.22	Không có mùi lạ	0.51	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.04	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
5		Nước sinh hoạt.	Công an phường Trần Biên – đường 30/4, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.60	Không có mùi lạ	0.51	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.48	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
6		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 56 Trần Công An, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	6.98	0.16	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	0.89	/	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
7	Chi nhánh cấp nước Biên Hòa	Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 68 Nguyễn Văn Trị, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.04	0.26	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.45	1.11	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
8		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 74 đường Đặng Văn Tron, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.19	0.52	Không có mùi lạ	0.52	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.41	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
9		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 44/3, KP4, đường Võ Thị Sáu, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.04	0.20	Không có mùi lạ	0.52	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.70	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
10	Chi nhánh cấp nước Long Bình.	Trạm Long Bình	Nước sinh hoạt.	BỂ chứa CNCN Long Bình.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.13	1.30	Không có mùi lạ	0.64	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	2.96	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
11			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – E2, đường Yết Kiêu, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.21	0.32	Không có mùi lạ	1.09	< LOQ (LOQ=0.039)	0.25	1.14	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
12			Nước sinh hoạt.	Tầng áp Thiện Tân 2 - Đường Điều Xiển, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.11	0.37	Không có mùi lạ	0.90	0.039	0.25	1.33	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
13			Nước sinh hoạt.	UBND phường Hồ Nai (cơ sở 1) – Số 386 QL1A, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.05	1.11	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	2.88	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
14			Nước sinh hoạt.	Trạm y tế Tân Biên – Đường QL1A, KP5, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.08	0.69	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	2.59	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
15	Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 91 đường QL1A, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai (cạnh Công an phường Hồ Nai).	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.03	1.11	Không có mùi lạ	0.77	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	2.59	/	0/100ml	0/100ml	Đạt		

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
16	Chi nhánh cấp nước Long Bình. Trạm Vĩnh An	Nước sinh hoạt.	Bể chứa - trạm Vĩnh An.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	6.97	0.23	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	1.26	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
17		Nước sinh hoạt.	Trường THPT Trị An, ấp Vĩnh An 3.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	7.00	0.20	Không có mùi lạ	0.65	0.055	0.60	1.04	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
18		Nước sinh hoạt.	Trường tiểu học Cây Gáo A, ấp Vĩnh An 2.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	7.09	0.17	Không có mùi lạ	1.03	< LOQ (LOQ=0.039)	0.55	0.89	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
19		Nước sinh hoạt.	Chợ Vĩnh An, ấp Vĩnh An 5.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	6.98	0.27	Không có mùi lạ	0.90	< LOQ (LOQ=0.039)	0.45	0.96	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
20		Nước sinh hoạt.	Huyện đội Vĩnh Cửu, KP8 (cũ)	09/02/2026 - 13/02/2026	-	6.87	0.42	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.45	1.04	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
21		Nước sinh hoạt.	Số 30 đường Nguyễn Tất Thành, xã Trị An.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	6.94	0.79	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.48	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
22		Nước sinh hoạt.	Trường mầm non Sơn Ca, ấp Vĩnh An 2.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	7.13	0.66	Không có mùi lạ	0.58	0.044	0.35	1.55	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
23		Nước sinh hoạt.	Giếng 1 - trạm Bàu Hàm	09/02/2026 - 13/02/2026	-	7.68	0.54	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	0.207	0.60	1.92	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
24		Nước sinh hoạt.	Giếng 2 - trạm Bàu Hàm	09/02/2026 - 13/02/2026	-	7.90	0.67	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	0.181	0.60	2.22	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
25		Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Số 89/3, KP5, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	8.38	0.74	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	0.161	0.30	2.22	/	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
26	Chi nhánh cấp nước Long Thành.	Nước sinh hoạt.	Trạm bơm tăng áp Nhơn Trạch.	11/02/2026 - 13/02/2026	-	7.03	0.46	Không có mùi lạ	0.71	< LOQ (LOQ=0.039)	0.63	1.33	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
27		Nước sinh hoạt.	Ngã tư Tín Nghĩa	11/02/2026 - 13/02/2026	-	7.14	0.57	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.53	1.18	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
28		Nước sinh hoạt.	Công ty Vỹ Lợi - KCN 2.	11/02/2026 - 13/02/2026	-	7.07	0.42	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.57	1.26	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
29		Nước sinh hoạt.	Trạm bơm Tam Phước.	11/02/2026 - 13/02/2026	-	7.24	0.48	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	0.039	0.40	1.41	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
30		Nước sinh hoạt.	KCN Long Thành.	11/02/2026 - 13/02/2026	-	7.29	0.32	Không có mùi lạ	0.52	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	0.37	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
31		Nước sinh hoạt.	UBND xã Long Thành.	11/02/2026 - 13/02/2026	-	7.27	0.40	Không có mùi lạ	0.52	< LOQ (LOQ=0.039)	0.25	1.33	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
32	Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa CNCN Thạnh Phú.	10/02/2026 - 13/02/2026	-	7.02	0.16	Không có mùi lạ	0.64	< LOQ (LOQ=0.039)	0.70	0.81	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
33		Nước sinh hoạt.	Khu phố 6+7, phường Trảng Dài.	10/02/2026 - 13/02/2026	-	7.05	0.26	Không có mùi lạ	0.58	0.042	0.50	0.67	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
34		Nước sinh hoạt.	Trạm giao dịch Thạnh Phú.	10/02/2026 - 13/02/2026	-	7.10	0.22	Không có mùi lạ	0.58	0.041	0.40	0.81	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
35		Nước sinh hoạt.	Khu phố Thạnh Phú, phường Tân Triều.	10/02/2026 - 13/02/2026	-	7.09	0.38	Không có mùi lạ	0.64	0.048	0.30	1.11	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
36		Nước sinh hoạt.	UBND phường Tân Triều.	10/02/2026 - 02/03/2026	-	7.02	0.40	Không có mùi lạ	0.71	0.042	0.35	0.37	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
37	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Trạm Thiện Tân	Nước sinh hoạt.	Bể chứa trạm Thiện Tân.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.21	0.31	Không có mùi lạ	0.84	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.48	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
38			Nước sinh hoạt.	Công an phường Long Bình – Khu phố 6A, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.00	0.90	Không có mùi lạ	0.96	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	2.44	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
39			Nước sinh hoạt.	Công an phường Trảng Dài– Số 246 đường Bùi Trọng Nghĩa, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.07	0.37	Không có mùi lạ	0.77	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.48	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
40			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Hẻm 528 QL1A, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai (gần Bệnh viện Nhi Đồng Nai).	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.04	0.29	Không có mùi lạ	0.64	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.41	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
41			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 23 đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.29	Không có mùi lạ	0.64	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.70	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
42			Nước sinh hoạt.	Trung tâm kiểm soát bệnh tật cơ sở 2 – QL51, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.13	0.47	Không có mùi lạ	0.71	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.48	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
43			Nước sinh hoạt.	Trung tâm y tế khu vực Biên Hòa – Số 98/487 Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.04	0.31	Không có mùi lạ	0.71	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.26	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
44			Nước sinh hoạt.	Tổng công ty Sonadezi – Số 1, đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.25	0.39	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.33	/	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
45	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Trạm Thiện Tân	Nước sinh hoạt.	Đồng hồ D400, trạm bơm tăng áp Sonadezi Long Bình - KCN Biên Hòa II, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.17	0.25	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.48	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
46			Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Số 559 Bùi Trọng Nghĩa, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai (đối diện UBND phường Trảng Dài).	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.16	0.36	Không có mùi lạ	0.90	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.55	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
47			Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Số 117 Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai (đối diện Công an tỉnh Đồng Nai)	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.08	0.21	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	1.63	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
48			Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Số 148, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.02	0.32	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	1.70	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
49			Nước sinh hoạt.	UBND phường Long Bình - Đường Đặng Nguyên, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.15	0.37	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	1.55	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
50			Nước sinh hoạt.	Nhà dân - số 27, đường Vũ Hồng Phô, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	6.97	0.24	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.41	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
51			Nước sinh hoạt.	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Long Bình - Số 68 đường Thân Nhân Trung, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.12	0.23	Không có mùi lạ	0.90	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	0.81	/	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị		Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
62	Chi nhánh cấp nước Thiên Tân.	Trạm Nhon Trạch	Nước sinh hoạt.	Đồng hồ điện tử D500, KCN Amata, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.02	0.34	Không có mùi lạ	0.84	< LOQ (LOQ=0.039)	0.45	1.33	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
63			Nước sinh hoạt.	Trụ cứu hòa số 1, KCN Loteco, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	6.98	0.53	Không có mùi lạ	0.97	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.48	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
64		Trạm Gia Ray.	Nước sinh hoạt.	Trạm Gia Ray.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	7.52	0.32	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.70	2.44	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
65			Nước sinh hoạt.	Áp Gia Ray 3 - xã Xuân Lộc.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	7.41	0.40	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	2.00	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
66			Nước sinh hoạt.	Áp Tân Tiến - xã Xuân Lộc.	09/02/2026 - 02/03/2026	-	7.72	0.23	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.63	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
67	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Trạm Tân Phú	Nước sinh hoạt.	Giếng 4 - Trạm Tân Phú.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	6.86	0.14	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	0.37	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
68			Nước sinh hoạt.	Giếng 5 - Trạm Tân Phú.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	6.84	0.08	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.55	0.15	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
69			Nước sinh hoạt.	Giếng 7 - Trạm Tân Phú.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	6.76	0.13	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	0.29	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
70			Nước sinh hoạt.	KP8, Lương Thế Vinh.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	6.79	0.09	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	0.060	0.60	0.15	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
71			Nước sinh hoạt.	KCN Tân Phú.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	6.86	0.11	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	0.061	0.60	0.22	/	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét		
52	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Trạm Thiện Tân	Nước sinh hoạt.	Ban chỉ huy quân sự phường Tam Hiệp – Số 501 đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.02	0.30	Không có mùi lạ	0.84	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	1.18	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
53			Nước sinh hoạt.	UBND phường Tân Phong (cũ) – Đường Hồ Hòa, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.10	0.35	Không có mùi lạ	0.52	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.78	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
54			Nước sinh hoạt.	Tăng áp KCN Biên Hòa II - KCN Biên Hòa 2, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.00	0.55	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.78	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
55			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 1E, đường Mạc Đình Chi, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.40	Không có mùi lạ	0.52	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.63	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
56			Nước sinh hoạt.	KCN Hồ Nai – phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai.	11/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.09	0.16	Không có mùi lạ	0.71	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.59	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
57			Nước sinh hoạt.	Đồng hồ D300 KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 02/03/2026	-	7.12	0.22	Không có mùi lạ	0.58	0.048	0.39	0.96	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt	
58			Nước sinh hoạt.	Nhà dân - số 161/G, đường 3/2, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 02/03/2026	-	7.18	0.16	Không có mùi lạ	0.71	0.056	0.34	0.74	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt	
59			Nước sinh hoạt.	Đồng hồ D300 KCN Bàu Xéo, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 02/03/2026	-	7.19	0.82	Không có mùi lạ	0.71	0.060	0.42	1.55	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt	
60			Trạm Nhơn Trạch	Nước sinh hoạt.	Bể chứa trạm Nhơn Trạch.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.54	Không có mùi lạ	0.64	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	2.00	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
61				Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 201, QL15, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	10/02/2026 - 13/02/2026	TCVN 6663-5:2009	7.20	0.27	Không có mùi lạ	0.77	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	1.44	/	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
72	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Trạm Tâm Hưng Hòa.	Nước sinh hoạt.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	7.54	0.35	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	1.85	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
73			Nước sinh hoạt.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	7.34	0.22	Không có mùi lạ	0.77	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.92	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
74			Nước sinh hoạt.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	7.31	0.21	Không có mùi lạ	0.84	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	1.85	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
75		Trạm Định Quán.	Nước sinh hoạt.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	7.63	0.21	Không có mùi lạ	0.71	0.055	0.70	1.11	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
76			Nước sinh hoạt.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	7.70	0.19	Không có mùi lạ	0.52	0.073	0.60	1.11	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
77		Nước sinh hoạt.	09/02/2026 - 13/02/2026	-	7.68	0.21	Không có mùi lạ	0.71	0.053	0.60	1.26	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	

**Ghi chú:**

Dấu (-) : Do đơn vị tự lấy mẫu.

Dấu (/) : Không thực hiện.

Trần Biên, ngày 03 tháng 03 năm 2026

**TU. GIÁM ĐỐC**  
**PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



**Đặng Thị Tâm**